TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: **733**/2024/QĐST-V.HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân Phú, ngày 23 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ việc hôn nhân, gia đình thụ lý số: 646/2024/V.HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, về "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" của người yêu cầu:

Ông **Nguyễn Vũ S**; địa chỉ: D C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, địa chỉ: 2 T, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ:

Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 362, Điều 396 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 55, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Đ, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 8 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 8 năm 2024 là hoàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Vũ S và bà Nguyễn Thị Hồng N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Vũ S và bà Nguyễn Thị Hồng N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: ông Nguyễn Vũ S và bà Nguyễn Thị Hồng N có con chung là: trẻ Nguyễn Ngọc Minh A, nữ, sinh ngày 11/5/2024.

Giao bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: trẻ Nguyễn Ngọc Minh A, nữ, sinh ngày 11/5/2024, cho đến khi trẻ thành niên.

Về việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chung: hai bên đương sự phải tạo mọi điều kiện cho nhau để thăm nom con và việc thăm nom con cũng không được ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và học tập của trẻ; trường hợp có sự thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ thì hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông Nguyễn Vũ S cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Minh A, nữ, sinh ngày 11/5/2024, cho đến khi trẻ thành niên, mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng.

Thời điểm bắt đầu bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng: ngày 01/9/2024.

Việc giao – nhận số tiền cấp dưỡng hàng tháng ông Nguyễn Vũ S, bà Nguyễn Thị Hồng N tự thực hiện.

Trường hợp ông Nguyễn Vũ S chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông Nguyễn Vũ S phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của ông Nguyễn Vũ S, bà Nguyễn Thị Hồng N, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khi có lý do chính đáng, cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

2.4. Về tài sản chung: ông Nguyễn Vũ S, bà Nguyễn Thị Hồng N tự thoả thuận giải quyết.

2.5. Về nợ chung: ông Nguyễn Vũ S, bà Nguyễn Thị Hồng N tự khai không có.

3. Lệ phí việc hôn nhân, gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000 đồng do ông Nguyễn Vũ S, bà Nguyễn Thị Hồng N đã tạm nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Toà án Ký hiệu: BLTU/23P số 0040046, ngày 01/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Lệ phí việc hôn nhân, gia đình đã nộp đủ.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 14 tháng 11 năm 2020 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, không còn giá trị kể từ ngày ban hành Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Người yêu cầu (để thi hành);
- Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (để biết);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Nam Hải